ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2722/2015/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 138/TTr-SNN ngày 27/8/2015 về việc ban hành Quy chế xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm định số 29/BCTĐ-STP ngày 26/8/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Công Thương, Lao động

Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- VPCP;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQHTP Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo Hải Phòng; Cổng Thông tin điện tử thành phố; Đài PTTHHP;
- Công báo thành phố;
- Như Điều 3;
- CV: NN, NC;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2722 /2015/QĐ-UBND ngày 04 / 12 /2015 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 2 Nghị định số 66/2006/NĐ-CP có hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn được quy định tại Điều 3 Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/07/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 3. Nguyên tắc xét công nhận

Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống chỉ được xét công nhận khi đảm bảo đầy đủ các tiêu chí theo quy định.

Chương II
XÉT CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 4. Tiêu chí, hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Tiêu chí xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống:

a) Tiêu chí xét công nhận nghề truyền thống: theo khoản 1 mục I phần 2 Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

b) Tiêu chí xét công nhận làng nghề: theo khoản 2 mục I phần 2 Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn; Điều 7, Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

c) Tiêu chí xét công nhận làng nghề truyền thống: theo khoản 3 mục I phần 2 Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Điều 7 Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

a) Hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống: theo điểm a khoản 2 mục II phần 2 Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề: theo điểm b khoản 2 mục II phần 2 Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

c) Hồ sơ đề nghị xét công nhận làng nghề truyền thống: theo điểm c khoản 2 mục II phần 2 Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề.

Điều 5. Trình tự xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và có tờ trình đề nghị, kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này, gửi Ủy ban nhân dân huyện, quận (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tập hợp hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi lên, lập danh sách (kèm theo hồ sơ), gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất, trình Uỷ ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống (gọi tắt là Hội đồng xét công nhận).

4. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Hội đồng xét công nhận tiến hành thẩm định, chọn những đối tượng đủ tiêu chuẩn theo quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định và cấp Giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định của Hội đồng xét công nhận.

Điều 6. Thu hồi Giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận sau 05 năm không đạt các tiêu chí quy định sẽ bị thu hồi giấy công nhận.

Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp huyện danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đảm bảo các tiêu chí quy định. Uỷ ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp danh sách, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất, báo cáo Uỷ ban nhân dân thành phố xem xét, thu hồi Giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 7. Hội đồng xét công nhận

Các đơn vị liên quan có trách nhiệm cử cán bộ tham gia Hội đồng xét công nhận, gửi danh sách về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận.

1. Thành phần Hội đồng xét công nhận

Hội đồng xét công nhận thành phố có tối đa 11 thành viên, gồm có:

- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (phụ trách khối): Chủ tịch Hội đồng;

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phó Chủ tịch Hội đồng;

- Lãnh đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Lao động Thương binh và Xã hội, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Trưởng ban Ban Thi đua Khen thưởng thành phố; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan: Ủy viên Hội đồng;

- Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn: Thư ký Hội đồng.

2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xét công nhận

a) Phiên họp xét công nhận phải có ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền) chủ trì cuộc họp.

b) Thành viên Hội đồng đánh giá theo nguyên tắc bỏ phiếu kín hoặc bằng hình thức khác do Hội đồng quyết định.

c) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được xét công nhận phải được ít nhất 75% số thành viên Hội đồng có mặt tán thành.

d) Trong quá trình hoạt động, những văn bản do Chủ tịch Hội đồng ký được sử dụng con dấu của Uỷ ban nhân dân thành phố, những văn bản do Phó Chủ tịch Hội đồng ký được sử dụng con dấu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Các ủy viên Hội đồng thuyên chuyển công tác khác, đi công tác, đi học từ 6 tháng trở lên hoặc thay đổi về nhân sự thì cơ quan, đơn vị của Uỷ viên Hội đồng đó phải có thông báo và cử người thay thế bằng văn bản báo cáo Chủ tịch Hội đồng và Cơ quan thường trực của Hội đồng để kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Chương III
QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN

Điều 8. Quyền lợi của tổ chức, cá nhân được công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận

1. Được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và kèm theo số tiền cụ thể như sau:

- Tổ chức, cá nhân được công nhận nghề truyền thống được nhận số tiền bằng 10 lần mức lương tối thiểu chung áp dụng đối với khối hành chính sự nghiệp;

- Tổ chức, cá nhân được công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống được nhận số tiền bằng 15 lần mức lương tối thiểu chung áp dụng đối với khối hành chính sự nghiệp.

2. Được hưởng các chính sách ưu đãi về phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định tại Nghị định số 66/2006/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 66/2006/NĐ-CP, Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 9. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận

1. Tuyên truyền vận động nhân dân trong làng có nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống hăng hái xây dựng phát triển nghề, làng nghề gắn với văn hóa và các phong trào xã hội khác, góp phần xây dựng kinh tế địa phương ngày càng phát triển.

2. Xây dựng và phát triển làng nghề gắn với xây dựng làng, xã văn hóa, xây dựng nông thôn mới và các phong trào xã hội khác; huy động các nghệ nhân, thợ giỏi, cá nhân, hộ gia đình tham gia tích cực công tác truyền nghề dạy nghề cho người lao động và phát triển làng nghề ổn định, bền vững.

3. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4. Nghiên cứu cải tiến thiết bị, công nghệ sản xuất, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh, an toàn sản phẩm của làng nghề.

5. Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn cảnh quan môi trường trong phạm vi tổ chức hoạt động của nghề truyền thống và làng nghề.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Là Cơ quan thường trực của Hội đồng xét công nhận, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức xét công nhận, trao Giấy công nhận các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo đúng các quy định tại Quy chế này; điều chỉnh, bổ sung Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Uỷ ban nhân dân thành phố cơ chế, chính sách hỗ trợ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

d) Tổng hợp, báo cáo tình hình phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn, gửi về Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 20/6 và ngày 15/12 hàng năm.

2. Sở Công thương

a) Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này đối với những đối tượng thuộc ngành quản lý.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu, hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường làng nghề tại Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Ban Thi đua Khen thưởng thành phố

Có trách nhiệm tham mưu bố trí nguồn ngân sách phục vụ cho công tác xét công nhận và quyền lợi, chế độ của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận.

5. Các Sở: Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp thực hiện Quy chế này.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Triển khai tổ chức thực hiện Quy chế theo quy định.

b) Hướng dẫn các làng nghề tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật.

c) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn nhằm khai thác, phát huy ngành nghề lợi thế của địa phương gắn với bảo vệ môi trường.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, lập danh sách nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống không đủ tiêu chí theo quy định, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi Giấy công nhận.

e) Báo cáo tình hình phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 10/6 và ngày 10/12 hàng năm.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

b) Lập hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Hướng dẫn các làng nghề, làng nghề truyền thống chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

d) Thường xuyên phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động của các làng nghề.

e) Báo cáo tình hình phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05/6 và ngày 05/12 hàng năm.

Điều 11. Kinh phí thực hiện

1. Tiền thưởng cho các làng nghề được quy định tại Điều 8 Quy chế này được chi từ Quỹ thi đua khen thưởng của thành phố.

2. Kinh phí in ấn, làm khung giấy công nhận, kinh phí hoạt động của Hội đồng xét công nhận được chi từ kinh phí sự nghiệp nông nghiệp thành phố.

3. Các nội dung chi khác được sử dụng từ các nguồn kinh phí theo quy định hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN (QUẬN).....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

...,ngày...tháng...năm 20...

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị công nhận nghề truyền thống
(làng nghề, làng nghề truyền thống).

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố.

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn "Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn"; Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề;

Căn cứ Quyết định số ...../2015/QĐ-UBND ngày.... của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Tờ trình số.../TTr-... ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)... về việc đề nghị công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống)...

Sau khi xem xét hồ sơ của xã.... , Ủy ban nhân dân huyện (quận)... kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xét công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống) ...tại xã (phường, thị trấn)... trên địa bàn huyện (quận)..., cụ thể:

1. Nghề (làng nghề)...thuộc xã (phường, thị trấn)...

2. Nghề (làng nghề)...thuộc xã (phường, thị trấn)...

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quan tâm, xét công nhận, tạo điều kiện cho nghề (làng nghề) ..... hoạt động tốt và ngày càng phát triển./.

Nơi nhận: - Như kính gửi; - CT, các PCT; -..... - Lưu VT.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN** *(Kí tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN)……..**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

…,ngày…tháng…năm 20…

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị công nhận nghề truyền thống
(làng nghề, làng nghề truyền thống).

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện (quận)...

Thực hiện Quyết định số ...../2015/QĐ-UBND ngày.... của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Đối chiếu với tiêu chí, điều kiện quy định tại Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn "Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn"; Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề;

Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động ngành nghề nông thôn tại địa phương hiện nay.

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)…lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống) cho nghề (làng nghề)……

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện (quận) quan tâm xem xét trình Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định và cấp Giấy công nhận nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống)./.

Nơi nhận: - Như kính gửi; - CT, các PCT; -…… - Lưu VT.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ** *(Kí tên, đóng dấu)*

Mẫu số 03

UBND XÃ.....
LÀNG NGHỀ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....,ngày.....tháng.....năm 20...

XÁC NHẬN
Về việc làng nghề thực hiện tốt chính sách pháp luật

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân huyện ...
- Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)...

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn):.....xác nhận

Làng nghề:...

(nêu những đặc điểm về dân số, hoạt động sản xuất kinh doanh, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường...)

Làng nghề đã thực hiện việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

Làng nghề..... kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện (quận)...trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét ra quyết định và cấp Giấy công nhận làng nghề ...để tạo điều kiện cho làng nghề phát triển./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

TM. LÀNG NGHỀ
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Người đại diện cho những hộ làm nghề hoặc trưởng thôn)

Mẫu số 04

UBND Xã (phường, thị trấn)…
Làng……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

…, ngày … tháng … năm 20…

DANH SÁCH HỘ THAM GIA NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN
CỦA LÀNG...

1. Địa chỉ:……..
2. Tổng số hộ của cả làng:…….. (hộ).
3. Số hộ trong làng tham gia làm nghề

Stt	Tên chủ hộ	Số nhân khẩu của hộ (người)	Số nhân khẩu của hộ trong độ tuổi lao động (người)	Số nhân khẩu của hộ tham gia làm nghề (người)	Số nhân khẩu trong độ tuổi lao động tham gia làm nghề (người)	Chủ hộ ký tên
1	Nguyễn Văn A					
2	Nguyễn Thị B					
3						
	Tổng cộng					

Ghi chú: Báo cáo định kỳ của nghề truyền thống (làng nghề, làng nghề truyền thống) không phải lấy chữ ký của chủ hộ.

Xác nhận của UBND xã (phường)……
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đại diện làng nghề (làng nghề)……..
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

UBND XÃ(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)...
LÀNG NGHỀ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....,ngày.....tháng.....năm 20..

BÁO CÁO TÓM TẮT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA LÀNG NGHỀ

Kính gửi: .....

1. Giới thiệu chung

- Quá trình hình thành và phát triển làng nghề tại địa phương.
- Các giai đoạn phát triển: Nêu ảnh hưởng của tình hình chính trị, xã hội tới sự phát triển của làng nghề tại địa phương; thành tựu kinh tế xã hội đã đạt được.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề trong 2 năm gần đây nhất:

- Phân tích tác động của tình hình phát triển chung của đất nước trong những năm gần đây tới sự phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.
- Sản phẩm chính của làng nghề là gì?
- Số người tham gia sản xuất: Số hộ và số lao động?
- Cơ cấu ngành nghề có gì thay đổi?
- Các sản phẩm khác của địa phương? Số hộ và số lao động tham gia sản xuất?
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm (Trong 02 năm gần nhất khi xét công nhận):

+ Giá trị sản lượng?
+ Số lao động tham gia?
+ Thu nhập bình quân? (lao động chuyên, lao động kiêm)
+ Ý nghĩa xã hội: tạo việc làm, trật tự an ninh chính trị tại địa phương...?

3. Phương hướng phát triển trong thời gian tới:

Định hướng về kế hoạch (năm sau khi công nhận tiếp theo) và chiến lược phát triển lâu dài, nhất là những sản phẩm của làng nghề?

4. Những kiến nghị, đề xuất

- Những tồn tại? khó khăn vướng mắc đang gặp? biện pháp tháo gỡ?
- Cơ chế, chính sách hỗ trợ?

TM. LÀNG NGHỀ
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Người đại diện cho những hộ làm nghề hoặc trưởng thôn)